

Bản án số: **13/2021/KDTM - ST**

Ngày: 30/06/2021

*“V/v tranh chấp nghĩa vụ
thanh toán từ hợp đồng xây dựng”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thanh Tú - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Mỹ Thuần

2. Ông Hoàng Văn Hạnh

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Quế, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 06 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 84/2020/TLST- DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc *“Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 335/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 06 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 388/2021/QĐST – KDTM ngày 21 tháng 06 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng công ty L

Trụ sở: nhà G1, số 491 đường N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thanh H – Tổng giám đốc – Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Hải N, sinh năm 1990 – Vắng mặt tại phiên tòa.

Bà Phạm Minh T, sinh năm 1977 – Có mặt tại phiên tòa
Theo Giấy ủy quyền số 351/2020/UQ-LICOGI ngày 26/10/2020.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng và xử lý nền móng H (viết tắt là Công ty nền móng H)

Trụ sở: Tầng 7, tòa nhà Sannam, số 78 phố D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quý B – Giám đốc – Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984 – Có mặt tại phiên tòa.

Theo Giấy ủy quyền ngày 21/5/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại Bản tự khai, các văn bản tố tụng tại Tòa án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Minh T trình bày như sau:***

Ngày 21/4/2014 Tổng Công ty xây dựng và phát triển H (nay là Tổng công ty L) là Bên B ký hợp đồng kinh tế số 21.04/2014/HĐKT “*về việc thi công hạng mục cọc đại trà đường kính 1200mm và đường kính 1500mm đoạn VD14 của dự án Metro Bến Thành – Suối Tiên, thành phố Hồ Chí Minh*)” với Công ty nền móng H là Bên A. Nội dung công việc của hợp đồng là Công ty nền móng H thuê Tổng Công ty xây dựng và phát triển H khoan tạo lỗ cọc nhồi D1200mm và D1500mm gói thầu VD14 của dự án Metro Bến Thành – Suối Tiên, thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể là dùng máy khoan DE6500 để khoan tạo lỗ cọc nhồi đường kính D1200mm, D1500mm tại công trình: Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị thành phố Hồ Chí Minh tuyến Bến Thành Suối Tiên. Tổng giá trị hợp đồng là 2.622.000.000 đồng. Về điều khoản thanh toán của hợp đồng thỏa thuận: Thanh toán theo tháng; vào ngày 25 đến 30 của mỗi tháng hai bên chốt khối lượng của tháng. Bên A thanh toán cho bên B 100% khối lượng vào ngày 01 đến 05 của tháng tiếp theo sau khi đã trừ đi 20% khoản tạm ứng.

Quá trình thi công, Tổng Công ty xây dựng và phát triển H đã thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung thỏa thuận của hợp đồng. Hai bên đã ký các biên bản xác nhận khối lượng thực hiện và các biên bản xác nhận giá trị thanh toán hàng tháng và Tổng công ty đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng. Cụ thể như sau:

Ngày 30/5/2014 lập Biên bản xác nhận giá trị thực hiện tháng 05/2014; giá trị thanh toán: 212.940.000 đồng. Ngày 31/5/2014 đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000024 cho số tiền cần thanh toán là 212.940.000 đồng.

Ngày 25/6/2014 lập Biên bản xác nhận giá trị thực hiện tháng 06/2014; giá trị thanh toán: 354.900.000 đồng. Ngày 30/6/2014 đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000049 cho số tiền cần thanh toán là 354.900.000 đồng.

Ngày 25/7/2014 lập Biên bản xác nhận giá trị thực hiện tháng 07/2014; giá trị thanh toán: 283.920.000 đồng. Ngày 31/7/2014 đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000116 cho số tiền cần thanh toán là 283.920.000 đồng.

Tháng 8/2014 lập Biên bản xác nhận giá trị thực hiện tháng 08/2014; giá trị thanh toán: 367.110.000 đồng. Ngày 15/9/2014 đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000169 cho số tiền cần thanh toán là 367.110.000 đồng.

Tháng 9/2014 lập Biên bản xác nhận giá trị thực hiện tháng 09/2014; giá trị thanh toán: 281.400.000 đồng. Ngày 13/10/2014 đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000204 cho số tiền cần thanh toán là 281.400.000 đồng.

Tháng 10/2014 lập Biên bản xác nhận giá trị thực hiện tháng 10/2014; giá trị thanh toán: 230.520.000 đồng. Ngày 13/11/2014 đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000250 cho số tiền cần thanh toán là 230.520.000 đồng.

Tháng 11/2014 lập Biên bản xác nhận giá trị thực hiện tháng 11/2014; giá trị thanh toán: 387.360.000 đồng. Ngày 30/11/2014 đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000323 cho số tiền cần thanh toán là 387.360.000 đồng.

Ngày 08/2/2015 lập Biên bản xác nhận giá trị thực hiện tháng 12/2014; giá trị thanh toán: 82.440.000 đồng. Ngày 27/2/2015 đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000496 cho số tiền cần thanh toán là 82.440.000 đồng.

Tổng giá trị hợp đồng thực hiện trên thực tế là 2.200.590.000 đồng.

Công ty nền móng H đã thanh toán cho Tổng Công ty xây dựng và phát triển H 10 lần với tổng số tiền là 1.820.563.636 đồng. Cụ thể:

Ngày 24/4/2014 đã thanh toán số tiền 300.000.000 đồng.

Ngày 17/6/2014 đã thanh toán số tiền 170.563.636 đồng

Ngày 15/7/2014 đã thanh toán số tiền 200.000.000 đồng

Ngày 15/8/2014 đã thanh toán số tiền 200.000.000 đồng

Ngày 15/9/2014 đã thanh toán số tiền 200.000.000 đồng

Ngày 29/9/2014 đã thanh toán số tiền 100.000.000 đồng

Ngày 10/10/2014 đã thanh toán số tiền 200.000.000 đồng

Ngày 30/10/2014 đã thanh toán số tiền 100.000.000 đồng

Ngày 21/11/2014 đã thanh toán số tiền 150.000.000 đồng

Ngày 08/12/2014 đã thanh toán số tiền 200.000.000 đồng

Số tiền nợ gốc tính đến ngày 08/12/2014, Công ty nền móng H còn nợ Tổng Công ty xây dựng và phát triển H là: 380.026.364 đồng.

Ngày 11/12/2014 theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, Tổng công ty xây dựng và phát triển H đã được cổ phần hóa, đổi tên thành Tổng công ty L; trụ sở: nhà G1 phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần theo quy định pháp luật, có mã số doanh nghiệp là 0100106440. Theo Quyết định số 2243 thì Tổng công ty L được kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty xây dựng và phát triển H trước khi chuyển đổi. Như vậy, Tổng công ty L được kế thừa quyền đòi Công ty nền móng H thanh toán số tiền nợ gốc và lãi xuất phát từ hợp đồng kinh tế đã được hai bên ký kết.

Tổng công ty L đã nhiều lần cùng Công ty nền móng H thực hiện thủ tục chốt công nợ và đơn đốc trả nợ, Công ty nền móng H đã xác nhận nợ và đưa ra nhiều lộ trình thanh toán nhưng đến nay đều không thực hiện được. Cụ thể:

Ngày 24/8/2016 Tổng công ty L đã có Công văn số 373/2016/CV-LICOGI về việc đề nghị thanh toán giá trị hợp đồng kinh tế để yêu cầu Công ty nền móng H thanh toán số tiền nợ gốc.

Ngày 18/12/2018 Tổng công ty L đã có Công văn số 834/2018/CV về việc đề nghị thanh toán.

Ngày 18/1/2019 Tổng công ty L đã có Công văn yêu cầu Công ty nền móng H thanh toán số tiền nợ gốc, giám đốc Công ty đã ký xác nhận.

Ngày 21/1/2019 Công ty nền móng H gửi Công văn xác nhận số nợ gốc và xin thanh toán chia làm 4 đợt bắt đầu từ tháng 03/2019 nhưng sau đó cũng không thực hiện.

Ngày 06/3/2019 Tổng công ty L đã có Công văn số 152/2019/LICOGI - KTKH về việc đề nghị thanh toán.

Ngày 07/5/2019 Tổng công ty L đã có Công văn số 287/2019/LICOGI - KTKH về việc đề nghị thanh toán lần 3.

Ngày 31/7/2019 Tổng công ty L đã có Công văn số 507A/2019/CV-LICOGI về việc đề nghị thanh toán lần 4.

Ngày 21/8/2019 Công ty nền móng H gửi Công văn xác nhận số nợ gốc và xin thanh toán bắt đầu từ tháng 10/2019 mỗi tháng 50 triệu đồng nhưng sau đó cũng không thực hiện.

Ngày 07/1/2020 Tổng công ty L đã có Công văn số 05A/2020/ CV-LICOGI về việc đề nghị thanh toán lần 5.

Ngày 29/5/2020 Tổng công ty L đã có Công văn số 235/2020/ CV-LICOGI về việc đề nghị thanh toán lần 6.

Việc chây ỳ trả nợ của Công ty nền móng H đã làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Nay Tổng công ty L yêu cầu Công ty nền móng H

phải thanh toán ngay một lần tổng số tiền nợ gốc là 380.026.364 đồng, không đồng ý phương án trả dần theo tháng như đề xuất của Công ty nền móng H. Tổng Công ty L yêu cầu Công ty nền móng H phải trả tiền lãi do chậm thanh toán.

Tổng công ty L xác định nội dung thỏa thuận về “*lãi vay Ngân hàng*” làm cơ sở tính số tiền lãi là không rõ ràng, không có căn cứ xác định nên đề nghị Tòa án không áp dụng. Tổng công ty L đề nghị Tòa án áp dụng điểm d khoản 2 điều 42 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010; điểm b khoản 1 điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 để buộc Công ty nền móng H phải trả tiền lãi quá hạn do chậm thanh toán. Lãi suất tính là 16,5%/năm ($150\% \times 11\%/năm$) theo Thông báo số 114/CVKHTH ngày 01/4/2014 của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội. Thời điểm bắt đầu tính lãi từ ngày 06/3/2015 đến ngày Công ty nền móng H thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu tính lãi. Đề nghị Tòa án áp dụng điều 290, khoản 2 điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, Quyết định số 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2020 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về lãi suất cơ bản, đề nghị áp dụng mức lãi suất 09% /năm để tính lãi đối với số tiền nợ gốc, thời gian tính lãi kể từ ngày 06/3/2015, số ngày tính lãi tạm tính đến ngày xét xử 30/6/2021 là 2305 ngày, số tiền lãi tạm tính tính đến ngày xét xử là: 215.990.327 đồng. Tổng công ty L yêu cầu Công ty nền móng H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi kể từ sau ngày xét xử cho đến ngày thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc.

Về thỏa thuận Tòa kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết tranh chấp trong hợp đồng đề nghị không áp dụng vì thỏa thuận đó không đúng quy định pháp luật.

***Tại Bản tự khai, các văn bản tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của Công ty xử lý nền móng H là bà Nguyễn Thị N trình bày:**

Công ty xử lý nền móng H xác nhận có ký kết Hợp đồng kinh tế số 21.04/2014/HĐKT “*về việc thi công hạng mục cọc đại trà đường kính 1200mm và đường kính 1500mm đoạn VD14 của dự án Metro Bến Thành – Suối Tiên, thành phố Hồ Chí Minh*” ngày 21/4/2014 với Tổng công ty xây dựng và phát triển H (nay là Tổng công ty L). Tổng giá trị hợp đồng là 2.622.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty xác nhận Tổng công ty xây dựng và phát triển H (nay là Tổng công ty L) đã thực hiện đúng nội dung hợp đồng. Hai bên đã ký các biên bản xác nhận khối lượng thực hiện và các biên bản xác nhận giá trị thanh toán hàng tháng theo đúng nội dung mà nguyên đơn trình bày. Theo tài liệu xác nhận thì tổng giá trị hợp đồng thực hiện thực tế là 2.200.590.000 đồng, nguyên đơn đã xuất 08 Hóa đơn VAT cho tổng số tiền 2.200.590.000 đồng. Số hóa đơn cụ thể Công ty xác nhận như nội dung nguyên đơn

cung cấp. Từ ngày 24/4/2014 đến ngày 08/12/2014 Công ty đã thanh toán 10 lần với tổng số tiền là 1.820.563.636 đồng cho nguyên đơn. Nay Công ty xác nhận còn nợ số tiền gốc là 380.026.364 đồng. Về nghĩa vụ trả tiền lãi do chậm thanh toán, cách tính lãi và số tiền lãi nguyên đơn đưa ra Công ty đồng ý và không có ý kiến phản đối. Tuy nhiên, hiện nay do tình hình kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, không phát sinh doanh thu và không đòi được công nợ nên Công ty xin trả dần tiền nợ gốc mỗi tháng từ 15 đến 20 triệu đồng và xin được miễn toàn bộ lãi.

Công ty đồng ý để Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy giải quyết vụ án, đồng ý không áp dụng thỏa thuận tòa kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết tranh chấp do thỏa thuận này không đúng quy định của pháp luật.

****Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa có ý kiến như sau:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

Căn cứ khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp Kinh doanh thương mại, cụ thể là tranh chấp nghĩa vụ thanh toán xuất phát từ hợp đồng xây dựng. Bị đơn có trụ sở tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự vụ án năm 2015. Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn theo điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định. Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tuân thủ đúng theo quy định tại các điều 208 đến điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án đã chuyển Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ vụ án sang Viện kiểm sát theo đúng quy định tại khoản 2 điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án thực hiện việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự đúng theo quy định từ điều 170 đến điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử vụ án tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề xuất Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Công ty nền móng H có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 380.026.364 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày xét xử là 215.990.327 đồng cho Tổng công ty L. Công ty nền móng H tiếp tục phải trả tiền

lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho Tổng công ty L. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tổng công ty L khởi kiện Công ty nền móng H yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán xuất phát từ Hợp đồng kinh tế số 21.04/2014/HĐKT “về việc thi công hạng mục cọc đại trà đường kính 1200mm và đường kính 1500mm đoạn VD14 của dự án Metro Bến Thành – Suối Tiên, thành phố Hồ Chí Minh” ngày 21/4/2014. Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy căn cứ khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là tranh chấp Kinh doanh thương mại về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán xuất phát từ hợp đồng xây dựng.

Về thẩm quyền giải quyết: Theo điều 5 của Hợp đồng kinh tế số 21.04/2014/HĐKT ngày 21/4/2014, hai bên có thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Tòa kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. Xét thỏa thuận của các bên không đúng quy định pháp luật về thẩm quyền theo cấp và thẩm quyền theo vụ việc nên thỏa thuận này của hợp đồng là vô hiệu. Tổng công ty L khởi kiện Công ty nền móng H tại nơi có trụ sở trên Giấy đăng ký kinh doanh là có căn cứ. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án xác định nguyên đơn là Tổng công ty L, bị đơn là Công ty Cổ phần xây dựng và xử lý nền móng H.

Về thời hiệu khởi kiện: Xét tài liệu trong hồ sơ thể hiện Công ty nền móng H thanh toán lần cuối cùng cho Tổng công ty L là ngày 08/12/2014. Ngày 21/8/2019 Công ty nền móng H có Công văn xác nhận số nợ gốc và đề nghị được thanh toán dần. Ngày 02/7/2020 Tổng công ty L nộp đơn khởi kiện Công ty nền móng H tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Như vậy, ngày 21/8/2019 được xác định là ngày Công ty nền móng H là bên có nghĩa vụ đã thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ đối với Tổng công ty L, là căn cứ để xác định bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện. Thời hiệu khởi kiện vụ án bắt đầu lại kể từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện bên có nghĩa vụ thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ. Căn cứ điều 2 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ – HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 1 điều 157; điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty L còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về quyền khởi kiện: Theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty xây dựng và phát triển H thì Tổng công ty xây dựng và phát triển H được cổ phần hóa và đổi tên thành Tổng công ty L. Theo điều 2 của Quyết định số 2243 thì Tổng công ty L được kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty xây dựng và phát triển H trước khi chuyển đổi. Vậy Tổng công ty L có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 21.04/2014/HĐKT đối với Công ty nền móng H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tổng công ty L và Công ty nền móng H xác nhận có ký Hợp đồng kinh tế số 21.04/2014/HĐKT “*về việc thi công hạng mục cọc đại trà đường kính 1200mm và đường kính 1500mm đoạn VD14 của dự án Metro Bến Thành – Suối Tiên, thành phố Hồ Chí Minh*”) ngày 21/4/2014. Hai bên xác nhận việc ký kết hợp đồng là có thật, được người đại diện hợp pháp của hai bên ký kết, hình thức, nội dung công việc không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp các quy định tại điều 107, 108 Luật xây dựng nên phát sinh hiệu lực thực hiện.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã hoàn thành nội dung công việc, lập Biên bản xác nhận khối lượng công việc, Biên bản xác nhận giá trị thanh toán và bên nguyên đơn đã phát hành hóa đơn VAT theo từng đợt thanh toán. Bị đơn xác nhận tại thời điểm xét xử còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc xuất phát từ việc thực hiện Hợp đồng kinh tế số 21.04/2014/HĐKT là 380.026.364 đồng, không phản đối về yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán, mức lãi suất, thời điểm bắt đầu tính lãi và số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử mà nguyên đơn đưa ra. Bị đơn chỉ xin được trả dần số tiền nợ gốc từng tháng và xin miễn toàn bộ số tiền lãi nhưng nguyên đơn không đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của hợp đồng. Đến thời điểm xét xử bị đơn chưa thanh toán đầy đủ số tiền nợ gốc cho nguyên đơn nên có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 380.026.364 đồng.

Xét yêu cầu tính tiền lãi do chậm thanh toán của nguyên đơn thấy:

Tại điều 4 mục 4.1 của Hợp đồng kinh tế số 21.04/2014/HĐKT ngày 21/4/2014, hai bên có thỏa thuận:

“Thanh toán kịp thời cho bên B theo đúng quy định tại điều 3 của hợp đồng này. Nếu bên A chậm thanh toán thì phải chịu lãi vay Ngân hàng nhưng không quá 05 ngày....”

Nguyên đơn xác định nội dung thỏa thuận về “*lãi vay Ngân hàng*” làm cơ sở tính số tiền lãi là không rõ ràng, không có căn cứ xác định nên đề nghị Tòa án không áp dụng, nguyên đơn đề nghị áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để xác định nghĩa vụ trả tiền lãi do chậm thanh toán. Hội đồng xét xử thấy đề nghị này của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị thay đổi mức lãi suất áp dụng để tính lãi từ 10%/năm xuống còn 9%/năm. Nguyên đơn đề nghị Tòa án căn cứ điều 290, khoản 2 điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, Quyết định số 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2020 của Ngân hàng nhà nước, áp dụng mức lãi suất 09% /năm để tính lãi đối với số tiền nợ gốc, thời gian tính lãi kể từ ngày 06/3/2015 cho đến ngày xét xử, số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là: 215.990.327 đồng. Nguyên đơn đề nghị tiếp tục yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi kể từ sau ngày xét xử cho đến ngày thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn có sửa đổi về yêu cầu khởi kiện, cụ thể là sửa đổi yêu cầu về mức lãi suất áp dụng để tính số tiền lãi do chậm thanh toán, việc sửa đổi yêu cầu khởi kiện này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy tại điểm c khoản 1 điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 về điều khoản chuyển tiếp quy định: “*Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết*”.

Đối chiếu với quy định của về điều khoản chuyển tiếp của Bộ luật Dân sự năm 2015 với đề nghị áp dụng điều 290, khoản 2 điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 để làm cơ sở xác định nghĩa vụ trả tiền lãi do chậm thanh toán tiền, mức lãi suất của nguyên đơn đưa ra là có căn cứ. Quyết định số 2868 ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước quy định về lãi suất cơ bản của tiền Đồng Việt Nam cho đến thời điểm xét xử vẫn có hiệu lực áp dụng. Điều 1 của Quyết định số 2868 quy định: “*mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm*”. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ làm cơ sở tính lãi, mức lãi suất và thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả lãi do chậm thanh toán.

[5] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 290, 402, 405, khoản 2 điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 157; điều 429; điểm c khoản 1 điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng điều 107, 108 Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Áp dụng khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 điều 147; điều 184; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015

Áp dụng khoản 1, 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty L đối với Công ty Cổ phần xây dựng và xử lý nền móng H.

Công ty Cổ phần xây dựng và xử lý nền móng H có nghĩa vụ thanh toán cho Tổng công ty L số tiền nợ gốc là 380.026.364 (ba trăm tám mươi triệu không trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi tư) đồng và số tiền lãi do chậm thanh toán kể từ ngày 06/3/2015 đến ngày xét xử 30/6/2021 là 215.990.327 (hai trăm mười lăm triệu chín trăm chín mươi nghìn ba trăm hai mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Tổng công ty L không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 13.240.000 (mười ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0003885 ngày 09/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần xây dựng và xử lý nền móng H phải chịu 27.841.000 (hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi một nghìn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Tổng công ty L, Công ty Cổ phần xây dựng và xử lý nền móng H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.Cầu Giấy
- THA DS Q.Cầu Giấy
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán

Tô Thanh Tú

